TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10-5-2023.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Tài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Văn Châu

2. Ông Huỳnh Phước

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Quốc Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Ngọc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình số: 21/2023/TLST-HNGĐ ngày 31/01/2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị Mỹ N, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: Số C, đường C, khóm E, phường I, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông Thạch Thái H, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số A, đường C, khóm E, phường I, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 11 năm 2022 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Dương Thị Mỹ N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Mỹ N và ông Thạch Thái H tự nguyện sống chung, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường I, thành phố

S, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 05/4/2011. Trong thời gian chung sống, đến khoảng đầu tháng 12 năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng ý kiến, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không còn tình cảm. Từ tháng 01 năm 2022 đến nay, bà N và ông H không còn sống chung như vợ chồng.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nay bà Dương Thị Mỹ N yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông Thạch Thái H.

Về con chung: Không có, không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu.

Trong quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn là ông Thạch Thái H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, nhưng bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ bị đơn để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham gia phiên Tòa, nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử tiến hành nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục tố tụng. Đối với những người tham gia tố tụng thì trước và tại phiên tòa hôm nay chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng trình tự thủ tục tại phiên tòa. Đối với bị đơn là ông Thạch Thái H đã không chấp hành việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung, Vị đại diện Viện kiểm sát nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về sự vắng mặt của bị đơn ông Thạch Thái H, xét thấy: Bị đơn ông H đã được Toà án tống đạt các văn bản tố tụng là quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà theo trình tự thủ tục tố tụng, nhưng ông H vẫn không có mặt tại phiên toà. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ly hôn với ông Thạch Thái H, thấy rằng: Bà Dương Thị Mỹ N và ông Thạch Thái H tự nguyện sống chung, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường I, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 05/4/2011. Nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông H là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ tháng 01/2022 đến nay bà N và ông H không còn sống chung như vợ chồng.

Trong quá trình giải quyết Tòa án đã triệu tập ông H đến làm việc và hòa giải nhưng ông H không đến cũng như không có văn bản trình bày ý kiến, chứng tỏ ông H không thiện chí muốn hòa giải mâu thuẫn giữa hai vợ chồng để quay về đoàn tụ. Xét thấy, những mâu thuẫn trên thể hiện được tình trạng hôn nhân của bà N và ông H đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được; hiện nay ông bà không còn sống chung với nhau như vợ chồng, thể hiện được cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, ông bà không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc làm cho mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N.

[3] Về con chung: Theo bà N trình bày trong thời kỳ hôn nhân giữa bà và ông H không có con chung, con nuôi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Toà án không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Theo bà N trình bày trong thời kỳ hôn nhân giữa bà và ông H không có tạo lập tài sản chung cũng như không có nợ chung, cho nên Toà án không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà hôm nay là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Dương Thị Mỹ N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ: Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326//UBTVQH14 ngày 30/12/016 quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Dương Thị Mỹ N, sinh năm 1990 được ly hôn với ông Thạch Thái H, sinh năm 1988.

2. Về con chung: Không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Dương Thị Mỹ N phải chịu là 300.000 đồng; Nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000943 ngày 12/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, bà N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSNDTP Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP Sóc Trăng;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND phường 9, TPST;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Phước Tài